	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	  VILAS 149
B22.622/TTQT B22.0353	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 23/09/2022 Trang (Page): 01/01

1. Tên mẫu : Sông Thị Vải, cách 100m về phía hạ nguồn so với điểm đổ nước làm
Sample Name mát của nhà máy vào sông.
2. Ngày nhận mẫu : 14/09/2022.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm		Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. Clorua (Cl)*	mg/l	TCVN 6194:1996	205
2. Chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/l	TCVN 6625:2000	27
3. Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2017	25,9
4. Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	31,4

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 12h30.

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.

Mẫu được lấy theo Hợp đồng 21P1O00007 ngày 01/04/2021

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH


Nguyễn Thị Lệ Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	  VILAS 149
B22.621/TTQT B22.0352	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 23/09/2022 Trang (Page): 01/01

1. Tên mẫu : Rạch Cầu Trái, cách 500m về phía thượng nguồn so với điểm xả nước làm mát của nhà máy vào rạch.
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : 14/09/2022.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

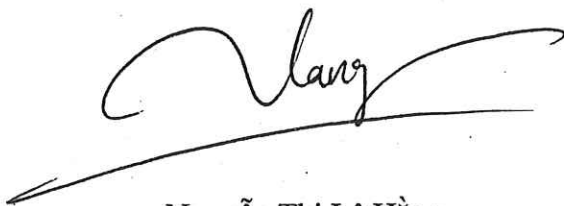
Tên chỉ tiêu Name of analysis norm		Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. Chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/l	TCVN 6625:2000	27
2. Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	32,2
3. Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2017	26,5
4. Clorua (Cl)*	mg/l	TCVN 6194:1996	204

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 12h30.

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.

Mẫu được lấy theo Hợp đồng 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

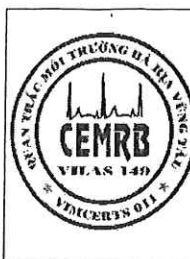


Nguyễn Thị Lệ Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
--	---	--	--

B22.756-758/TTQT A22.0322	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 25/10/2022 Trang: 01/01
--	---	--

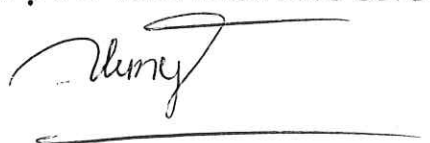
1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: K1 - K3 KK61-KK63
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 14/10/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>		
		K1	K2	K3
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,043	0,047	0,033
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	0,040	<0,033	<0,033
3. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-30	33,3	32,4	32,0
4. Độ ẩm %	SOP-PQT-30	54,0	46,2	39,9
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	0,33	0,15	0,14
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,020	<0,020	<0,020
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,010	<0,010	0,011
8. Khí CO mg/m ³	52TCN 352:1989	<6,5	<6,5	<6,5
9. VOCs* mg/m ³	NIOSH Method 1501	1,46	0,041	0,38
10. H ₂ Cr ₂ O ₄ * mg/m ³	TK.OSHA Method ID 215	<35 x 10 ⁻⁸	<35 x 10 ⁻⁸	<35 x 10 ⁻⁸

***Ghi chú:**

- **K1**: Không khí khu vực ống khói bên ngoài xưởng (**KK63**). Tọa độ X = 1174464, Y = 422762.
- **K2**: Không khí khu vực làm nguội tấm thép (**KK62**). Tọa độ X = 1174481, Y = 422711.
- **K3**: Không khí khu vực 02 bồn chứa hóa chất (**KK61**). Tọa độ X = 1174483, Y = 422794.
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
- (*) Trích sao kết quả của nhà thầu phụ Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC


Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B22.762 ÷ 763/TTQT A22.0324	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 25/10/2022 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: K7 ÷ K8 ARP-01;ARP-02
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 14/10/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>		QCVN 51:2017/ BTNMT
		K7	K8	
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<10	<10	200
2. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	16.454	13.739	-
3. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	<2,6	500
4. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	69,7	<1,9	850
5. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	79,8	<1,1	1000
6. Khí HCl* mg/Nm ³	US EPA Method 26A	2,14	2,76	-
7. Khí Cl ₂ * mg/Nm ³	US EPA Method 26A	0,56	0,61	-

***Ghi chú:**

- **K7:** Khí thải trong lòng ống khói khu tái sinh acid **ARP-01**. Tọa độ X = 1174643, Y = 423091.
- **K8:** Khí thải trong lòng ống khói khu tái sinh acid **ARP-02**. Tọa độ X = 1174643, Y = 423091.
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
- (*) Trích sao kết quả của nhà thầu phụ Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC


Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P. Thắc Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
--	--	--	--

B22.764 - 766/TTQT A22.0325	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 25/10/2022 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: K9 – K11 PL01-PL03
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 14/10/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>			QCVN 51:2017/ BTNMT
		K9	K10	K11	
1. Bụi tổng mg/Nm ³	EPA Method 5	<10	12	<10	200
2. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	13.772	21.292	651.670	-
3. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	49,8	2,6	2,6	500
4. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	<1,9	1,9	850
5. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	4,6	<1,1	<1,1	1000
6. Khí HCl* mg/Nm ³	US EPA Method 26A	<0,0035	0,17	<0,0035	-
7. Khí Cl ₂ * mg/Nm ³	US EPA Method 26A	<0,0057	<0,0057	<0,0057	-

***Ghi chú:**

- **K9:** Khí thải trong lòng ống khói khí thải của Xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ (PLTCM) **PL01**. Tọa độ X=1174700, Y=432071.
- **K10:** Khí thải trong lòng ống khói khí thải của Xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ (PLTCM) **PL02**. Tọa độ X=1174788, Y=432065.
- **K11:** Khí thải trong lòng ống khói khí thải của Xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ (PLTCM) **PL02**. Tọa độ X=1174546, Y=422970.
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
- (*) Trích sao kết quả của nhà thầu phụ Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



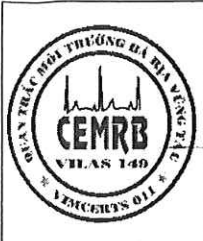
Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC





Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B22.628/TTQT A22.0280	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 30/09/2022 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực văn phòng của Nhà máy (K3). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174491, Y = 422323.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 16/09/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2013/BTNMT
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,040	0,3
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	<0,033	-
3. Nhiệt độ °C	TCVN 5508:2009	34,3	-
4. Độ ẩm %	TCVN 5508:2009	61,1	-
5. Vận tốc gió m/s	TCVN 5508:2009	0,29	-
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,020	0,35
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,010	0,2
8. Khí CO mg/m ³	SOP-PTN-CO	<6,5	30

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
- : Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC




Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B22.623/TTQT A22.0276	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 30/09/2022 Trang: 01/01
--	---	--

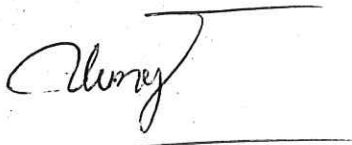
1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép điện từ (ACL01). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174459, Y = 422844.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 16/09/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<10	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	42,3	-
3. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	6.898	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	34,1	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	12,2	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	42,2	1000

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

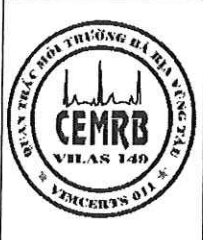


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC




Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

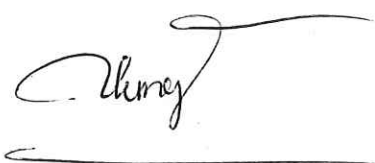
B22.624/TTQT A22.0277	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 30/09/2022 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép điện từ (ACL02). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174465, Y = 422748.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 16/09/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<10	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	116	-
3. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	15.777	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	117,8	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	12,5	1000

***Ghi chú:**
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.
-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC




Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
--	---	--	--

B22.625/TTQT A22.0278	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 30/09/2022 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép điện từ (ACL03). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174459, Y = 422713.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 16/09/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<10	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	362,8	-
3. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	37.481	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	2,6	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	16,4	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	27,4	1000

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.
- : Không quy định.

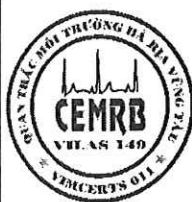
TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE	 
	TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	

B22.626 ÷ 627/TTQT A22.0279	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 30/09/2022 Trang: 01/01
--	---	----------------------------------

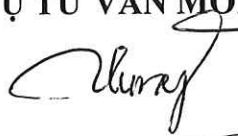
1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: BOI-02; QA/QC QA-01
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 16/09/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>		QCVN 51:2017 /BTNMT
		BOI-02	QA/QC	
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<10	<10	200
2. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	21.861	5.176	-
3. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	105,5	25,5	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	<2,6	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	73,1	<1,9	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	4,6	<1,1	1000

***Ghi chú:**

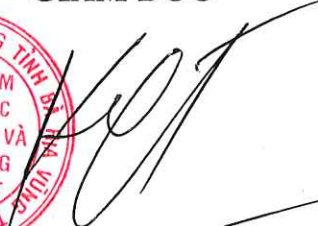
- BOI-02: Khí thải trong lòng ống khói lò hơi BOI-02. Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 11746¹⁶, Y = 422923.
- QA/QC: Khí thải trong lòng ống khói lò khu vực QA/QC.
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



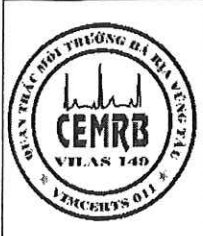
Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm và vị trí đo như đã nêu ở trên.
 This Environment Monitoring Report shall not be reproduced except in full, without the written of Center of Environmental Monitoring and Resources. This result is only going to have value in time and location of measurement as reminding above.

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B22.629/TTQT A22.0281	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 30/09/2022 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực cách ranh giới phía Bắc Nhà máy khoảng 500m (K1). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174330, Y = 422169.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 16/09/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2013/BTNMT
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,060	0,3
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	0,037	-
3. Nhiệt độ °C	TCVN 5508:2009	32,1	-
4. Độ ẩm %	TCVN 5508:2009	64,9	-
5. Vận tốc gió m/s	TCVN 5508:2009	0,28	-
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,020	0,35
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,010	0,2
8. Khí CO mg/m ³	SOP-PTN-CO	<6,5	30

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

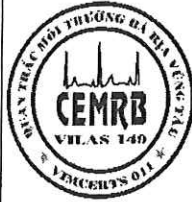


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC




Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B22.630/TTQT A22.0282	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 30/09/2022 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực cách ranh giới phía Tây Nam Nhà máy khoảng 500m (K2). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X=1175230, Y=422818.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 16/09/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2013/BTNMT
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	<0,033	0,3
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	<0,033	-
3. Nhiệt độ °C	TCVN 5508:2009	35,1	-
4. Độ ẩm %	TCVN 5508:2009	57,3	-
5. Vận tốc gió m/s	TCVN 5508:2009	0,75	-
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,020	0,35
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,010	0,2
8. Khí CO mg/m ³	SOP-PTN-CO	<6,5	30

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.

-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

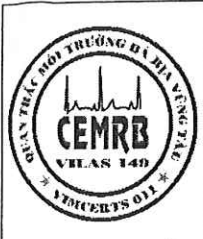


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
--	---	--	--

B22.631-633/TTQT A22.0283	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 30/09/2022 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: ON1; ON2; ON3.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 16/09/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>		
		ON1	ON2	ON3
1. Tiếng ồn dBA	TCVN 7878:2018	52,9	55,8	52,4
2. Tiếng ồn (max) dBA	TCVN 7878:2018	68,1	88,3	71,1
3. Tiếng ồn (min) dBA	TCVN 7878:2018	45,1	40,8	41,1

***Ghi chú:**

- ON1: Tiếng ồn tại khu vực Administration Office ADM (ON1).
- ON2: Tiếng ồn khu dân cư, cách hàng rào Nhà máy 400 - 500m về phía Đông Bắc (ON2). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174378, Y = 423197.
- ON3: Tiếng ồn khu dân cư, cách hàng rào Nhà máy 500m về phía Đông Nam (ON3). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1175230, Y = 422818.
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt



**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện thoại : 028.38680842 - Fax : 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 701-10/22-1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 21 tháng 10 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN CHINA STEEL & NIPPON STEEL VIỆT NAM

2/ Địa chỉ : KCN Mỹ Xuân A2, P. Mỹ Xuân, TX. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

3/ Thời gian lấy mẫu : 14/10/2022

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	H ₂ Cr ₂ O ₄ ^(c)	TK.OSHA Method ID 215	TK.OSHA Method ID 215	35×10 ⁻⁸ mg/m ³
2	VOCs*	NIOSH Method 1501	NIOSH Method 1501	0,005 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	H ₂ C ₂ O ₄ (mg/m ³)	VOCs (mg/m ³)
1.Khu vực ống khói bên ngoài xưởng	KPH	1,46
Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 06 : 2009/BTNMT)	-	-
2.Khu vực 2 bồn chứa hóa chất	KPH	0,38
3.Khu vực làm nguội tấm thép	KPH	0,041
QCVN 03:2019/BYT^(a)	-	-

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(c) : Kết quả mang tính chất tham khảo thực hiện theo yêu cầu khách hàng

(a) Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Quách Văn Duy

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện thoại : 028.38680842 - Fax : 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 701-10/22-1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 21 tháng 10 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN CHINA STEEL & NIPPON STEEL VIỆT NAM

2/ Địa chỉ : KCN Mỹ Xuân A2, P. Mỹ Xuân, TX. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

3/ Thời gian lấy mẫu : 14/10/2022

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	HCl*	US EPA Method 26A	US EPA Method 26A	0,0035 mg/Nm ³
2	Cl ₂ *	US EPA Method 26A	US EPA Method 26A	0,0057 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	HCl	Cl ₂
Nguồn thải	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
Ống khói xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ (PLTCM) 1 (Đo tại nguồn thải)	KPH	KPH
Ống khói xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ (PLTCM) 2 (Đo tại nguồn thải)	0,17	KPH
Ống khói xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ (PLTCM) 3 (Đo tại nguồn thải)	KPH	KPH
Khí thải khu tái sinh axit ARP/SRP 1 (Đo tại nguồn thải)	2,14	0,56
Khí thải khu tái sinh axit ARP/SRP 2 (Đo tại nguồn thải)	2,76	0,61
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	50	10

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh – chính xác – đáng tin cậy

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B22.620/TTQT A22.0275	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 30/09/2022 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói tại Xưởng sản xuất thép cuộn cán nguội (CAL02). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174591, Y = 422813.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 14/09/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<10	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	33,4	-
3. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	12.189	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,1	1000

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B22.618/TTQT A22.0274	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 30/09/2022 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực lò luyện thép (K4). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174711, Y = 423063.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 14/09/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2013/BTNMT
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,064	0,3
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	0,047	-
3. Nhiệt độ °C	TCVN 5508:2009	37,0	-
4. Độ ẩm %	TCVN 5508:2009	52,5	-
5. Vận tốc gió m/s	TCVN 5508:2009	0,24	-
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,020	0,35
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,010	0,2
8. Khí CO mg/m ³	SOP-PTN-CO	<6,5	30

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
- : Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B22.759 - 761/TTQT A22.0323	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 25/10/2022 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: K4 – K6. O1-O3
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 14/10/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>		
		K4	K5	K6
1. Tiếng ồn dBA	TCVN 7878:2018	83,9	84,0	84,2
2. Tiếng ồn (max) dBA	TCVN 7878:2018	85,5	95,0	89,3
3. Tiếng ồn (min) dBA	TCVN 7878:2018	81,8	82,0	82,1

***Ghi chú:**

- K4: Tiếng ồn tại khu vực tráng phủ ACL-01 (O1). Tọa độ X: 11737781, Y: 422711.
- K5: Tiếng ồn tại khu vực tráng phủ ACL-02 (O2). Tọa độ X: 1174485, Y: 422781.
- K6: Tiếng ồn tại khu vực tráng phủ ACL-03 (O3). Tọa độ X: 1174483, Y: 422794.
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



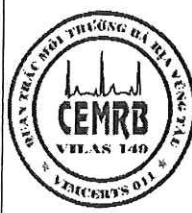
Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm và vị trí đo như đã nêu ở trên.
This Environment Monitoring Report shall not be reproduced except in full, without the written of Center of Environmental Monitoring and Resources. This result is only going to have value in time and location of measurement as reminding above.

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
---	---	---

B22.616/TTQT A22.0272	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 30/09/2022 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí xung quanh khu vực làm tẩy rỉ K5.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 14/09/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2013/BTNMT
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,067	0,3
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	0,040	-
3. Nhiệt độ °C	TCVN 5508:2009	34,2	-
4. Độ ẩm %	TCVN 5508:2009	61,6	-
5. Vận tốc gió m/s	TCVN 5508:2009	0,39	-
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,020	0,35
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,010	0,2
8. Khí CO mg/m ³	SOP-PTN-CO	<6,5	30
9. Khí HCl* mg/m ³	NIOSH Method 7907	<0,0019	-

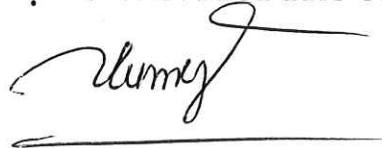
***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.

- (*) Trích sao kết quả của nhà thầu phụ "Trung tâm Tư vấn Công nghệ môi trường và An toàn vệ sinh lao động".

-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện thoại : 028.38680842 - Fax : 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 631-09/22-8.11 / KQPT

Tp.HCM, ngày 23 tháng 09 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Đơn vị yêu cầu : TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

2/ Địa chỉ : Phường Thắng Tam. thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

3/ Thời gian nhận mẫu : 16/09/2022

4/ Loại mẫu : Không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	HCl*	NIOSH Method 7907	NIOSH Method 7907	0,0019 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	HCl (mg/m ³)
1. B22.616 Không khí xung quanh khu vực làm tẩy ri K5	KPH
Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 06 : 2009/BTNMT)	0,06

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Bùi Mạnh Hiệp.

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
TƯ VẤN CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN VỆ SINH
LAO ĐỘNG
QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P. Thới Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
--	--	--	--

B22.617/TTQT A22.0273	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 30/09/2022 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực cán nóng (K7). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174580, Y = 422787.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 14/09/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2013/BTNMT
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,050	0,3
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	0,043	-
3. Nhiệt độ °C	TCVN 5508:2009	35,2	-
4. Độ ẩm %	TCVN 5508:2009	57,6	-
5. Vận tốc gió m/s	TCVN 5508:2009	0,74	-
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,020	0,35
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,010	0,2
8. Khí CO mg/m ³	SOP-PTN-CO	<6,5	30

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
- : Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
B22.619/TTQT B22.0354	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 23/09/2022 Trang (Page): 01/02

1. Tên mẫu : Nước thải tại cống xả thải của nhà máy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Mỹ Xuân A2.
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : 14/09/2022.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm		Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. Chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/l	TCVN 6625:2000	KPH (<7,0)
2. Cr ⁶⁺	mg/l	TCVN 6658:2000	KPH (<0,010)
3. Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/l	TCVN 6494-1:2011	3,3
4. COD	mg/l	SMEWW 5220D:2017	KPH (<30)
5. T - Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:2020	9
6. Tổng phot pho (T-P)*	mg/l	TCVN 6202:2008	KPH (<0,020)
7. Tổng dầu, mỡ	mg/l	SMEWW 5520B:2017	0,5
8. Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	TCVN 5988:1995	KPH (<1,00)
9. Đồng (Cu)	mg/l	USEPA Method 3015A & SMEWW 3120 B: 2017	KPH (<0,050)
10. Kẽm (Zn)	mg/l	USEPA Method 3015A & SMEWW 3120 B: 2017	KPH (<0,050)
11. Niken (Ni)	mg/l	USEPA Method 3015A & SMEWW 3120 B: 2017	0,052
12. Cadimi (Cd)*	mg/l	ASTM-D3557:17	KPH (<0,0023)
13. Crom (Cr)	mg/l	USEPA Method 3015A & SMEWW 3120 B: 2017	KPH (<0,050)
14. Độ đục	NTU	SOP-PQT-44	6,3
15. Oxi hòa tan (DO)	mg/l	SOP-PQT-44	5,2
16. pH		TCVN 6492:2011	6
17. Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	32,4
18. Cr ³⁺	mg/l	Tham khảo TCVN 6658:2000-SMEWW 3120B:2017	KPH (<0,050)
19. BOD ₅ (ở 20°C)*	mg/l	TCVN 6001-1:2008	KPH (<3,0)
20. E.coli	MPN/100ml	TCVN 6187-2:2020	(-) (<3)

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	  VILAS 149
B22.619/TTQT B22.0354	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 23/09/2022 Trang (Page): 02/02

Tên chỉ tiêu <i>Name of analysis norm</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
21. Tổng Nitơ (T-N)* mg/l	TCVN 6638:2000	KPH (<10,0)
22. Chì (Pb)* mg/l	ASTM-D3559:15	KPH (<0,0100)

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 10h30.

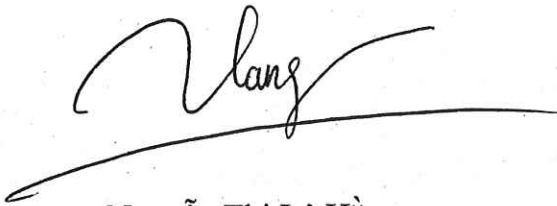
(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.

KPH: Không phát hiện.

(-): Âm tính.

Mẫu được lấy theo Hợp đồng 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH



Nguyễn Thị Lệ Hằng

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Sơn